TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 15/03/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa
Các hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Hai
Ông Phạm Mạnh Quỳ

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST – DS, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Chung**, sinh năm 1951.

HKTT: Khu 5 xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Hường**, sinh năm 1960.

HKTT: Khu 8 xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông **Nguyễn Văn Diện**, sinh năm 1953
HKTT: Khu 5 xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
(Bà Chung, ông Diện có mặt tại phiên tòa, bà Hường có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Chung trình bày:

Năm 2013 bà Chung đã cho bà Hường vay tiền nhiều lần, giấy tờ thể hiện các lần vay, số tiền vay không ai còn giữ, tuy nhiên đến ngày 10/11/2016 hai bên đã chốt lại với nhau tổng số tiền bà Hường vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Cùng ngày 10/11/2016 thì bà Hường có viết giấy vay tiền với nội dung là vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và hẹn đến hết năm 2017 thì sẽ trả cho bà Chung toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay, không có thỏa thuận gì về lãi suất, bà Hường là người trực tiếp viết giấy vay tiền, ký vào giấy vay tiền. Ngoài giấy vay tiền đề ngày 10/11/2016 thì không có giấy vay tiền nào khác. Tuy nhiên từ thời gian vay nợ đến nay bà Hường chưa trả cho bà Chung bất cứ khoản tiền nào, mặc dù bà đã đòi rất nhiều lần nhưng bà Hường không trả. Toàn bộ số tiền cho vay là tiền của bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn Diện. Nay bà Chung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hường phải trả lại cho vợ chồng ông bà toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Chung yêu cầu bà Hường phải trả tiền lãi tính từ năm 2013 đến nay, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị Hường trình bày:

Bà Hường thừa nhận từ năm 2013 bà có vay của vợ chồng bà Chung nhiều lần, cụ thể từng lần vay, số tiền bà Hường không nhớ. Đến ngày 10/11/2016 bà Chung và bà Hường cùng nhau thống nhất chốt lại số tiền đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bà Hường có hẹn đến hết năm 2017 thì bà sẽ trả cho bà Chung toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay. Khi đó bà Hường đã trực tiếp viết giấy vay tiền, có ký nhận đầy đủ, giấy vay tiền không có thỏa thuận gì về lãi suất. Tuy nhiên đến thời hạn trả do gia đình bà Hường gặp nhiều khó khăn, bản thân bà lại đau ốm nên bà không trả được nợ cho bà Chung. Nay bà Chung có đơn khởi kiện, quan điểm của bà Hường là bà nhất trí trả nợ số tiền đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), còn số tiền lãi như bà Chung yêu cầu thì bà không có nên bà không đồng ý trả. Giữa bà Hường với bà Chung chỉ có ký với nhau duy nhất giấy vay tiền đề ngày 10/11/2016, ngoài ra không có giấy tờ nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Văn Diện trình bày:

Ông Diện nhất trí với quan điểm như vợ ông là bà Đặng Thị Chung đã trình bày. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hường phải trả lại cho vợ chồng ông bà toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ông yêu

cầu bà Hường phải trả tiền lãi tính từ năm 2013 đến nay, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Chung. Buộc bà Hoàng Thị Hường phải trả cho bà Đặng Thị Chung, ông Nguyễn Văn Diện số tiền nợ gốc là 60.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 – BLDS. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất từ năm 2013 của bà Chung.

Về án phí: Bà Đặng Thị Chung và bà Hoàng Thị Hường là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Chung khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Hường phải trả số tiền đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Các đương sự tranh chấp với nhau về việc vay tài sản, xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là bà Hoàng Thị Hường có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 8 xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Chung thấy rằng: Bà Chung cung cấp tài liệu chứng cứ gồm 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 10/11/2016 (bản gốc), thể hiện việc bà Hoàng Thị Hường có thực hiện giao dịch vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không thỏa thuận về lãi suất, có thời hạn trả nợ là hết năm 2017. Đây là hợp đồng vay tài sản (tiền) có thời hạn và không có lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay nợ giữa bà Hường và vợ chồng bà Chung, ông Diện là có thật, thể hiện ở nội dung giấy vay tiền bản gốc bà Chung đã nộp cho Tòa án, theo đó bà Chung, ông Diện là người cho vay tiền, bà Hường là người vay tiền, tại giấy vay tiền bà Hường đã trực tiếp viết giấy vay tiền, có ký nhận đầy đủ. Giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là đến hết năm 2017 và không thể hiện lãi suất. Từ khi vay đến nay bà Hường chưa trả được cho bà Chung, ông Diện khoản tiền gốc nào. Nay bà Hường khẳng định còn nợ bà Chung số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà Chung xác nhận số tiền cho vay là tiền của bà và ông Diện. Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Hường thừa nhận chữ ký của bà tại tờ giấy vay tiền đề ngày 10/11/2016 mà bà Chung đã cung cấp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của bà Hường. Việc bà Chung và bà Hường thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản đều hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị ai ép buộc, hai bên đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, tuy nhiên bà Hường đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, không thực hiện đúng theo như hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Chung là có căn cứ cần được chấp nhận, từ đó cần buộc bà Hường phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Chung, ông Diện toàn bộ số tiền gốc đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Đối với khoản vay 60.000.000đ, hai bên thừa nhận vay từ năm 2013 làm nhiều lần và thống nhất chốt nợ vào ngày 10/11/2016, cùng nhau làm giấy vay tiền, ký nhận đầy đủ. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến hết năm 2017, không có thỏa thuận về lãi suất. Phía bà Chung trình bày hai bên có thỏa thuận với nhau về lãi suất bên ngoài nhưng bà Hường chưa trả cho bà Chung tiền lãi lần nào. Bà Hường trình bày hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất nên bà không đồng ý trả lãi. Nay bà Chung yêu cầu tính lãi từ năm 2013 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất với nhau về việc thỏa thuận lãi. Trong giấy vay nợ thể hiện thời hạn trả nợ của hợp đồng này là "hết năm 2017" khi BLDS 2015 đã có hiệu lực. Căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp. Thời điểm trả nợ của hợp đồng là "hết năm 2017" sẽ trả, như vậy thời điểm trả nợ là ngày

01/01/2018, do vậy thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 15/3/2023 là 62 tháng 14 ngày.

Cụ thể: (60.000.000đ x 0,83%/ tháng) x 62 tháng 14 ngày = 31.108.400đ (Ba mươi mốt triệu một trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng).

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, Điều 474, Điều 478 – Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Chung về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hoàng Thị Hường.

Buộc bà Hoàng Thị Hường phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Đặng Thị Chung và ông Nguyễn Văn Diện toàn bộ số tiền nợ đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) theo giấy vay nợ ngày 10/11/2016 và tiền lãi là 31.108.400đ (Ba mươi mốt triệu một trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là: 91.108.400đ (Chín mươi mốt triệu một trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Giáp Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa